



**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **969** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **01** tháng 3 năm 2021

V/v thực hiện Thông tư
số 06/2021/TT-BTC

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Ngày 22/01/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 06/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, có hiệu lực từ ngày 8/3/2021. Để thực hiện thống nhất những quy định mới của Thông tư số 06/2021/TT-BTC, Tổng cục Hải quan yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1. Nghiên cứu hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế (Luật quản lý thuế năm 2019, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính) và các văn bản liên quan, quán triệt, tập huấn cho toàn thể cán bộ, công chức làm công tác quản lý thuế về các văn bản nêu trên, đặc biệt là Thông tư số 06/2021/TT-BTC trước ngày 8/3/2021.

2. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho cộng đồng doanh nghiệp để thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 8/3/2021.

3. Quá trình triển khai thực hiện Thông tư số 06/2021/TT-BTC cần chú ý các nội dung sau đây:

3.1. Về thủ tục xử lý việc chậm nộp tiền thuế (Điều 9)

Căn cứ quy định tại điểm b.1 khoản 2 Điều 9 Thông tư số 06/2021/TT-BTC, sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, người nộp thuế chưa nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt hoặc đã nộp nhưng số tiền tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu thì cơ quan hải quan thông báo cho người nộp thuế biết số tiền thuế, tiền phạt còn nợ, số ngày chậm nộp qua Hệ thống theo Mẫu số 1 Phụ lục II hoặc bản giấy theo Mẫu số 01/TXNK Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

3.2. Về trình tự, thủ tục hoàn thuế (Điều 12)

Căn cứ điểm c.2 khoản 3 Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC, trường hợp hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng xuất khẩu và xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ, người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu theo tờ khai hải quan đồng thời đã nộp thuế nhập khẩu theo

Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan (cơ quan hải quan ấn định thuế và cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu là hai đơn vị khác nhau), trình tự thực hiện như sau:

a) Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu phát sinh số tiền thuế đề nghị hoàn thực hiện:

a.1) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế, phân loại hồ sơ hoàn thuế;

a.2) Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế (nếu hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế);

a.3) Kết thúc kiểm tra cần kết luận riêng về số tiền thuế đủ điều kiện hoàn thuế theo tờ khai hải quan và số tiền thuế đủ điều kiện hoàn thuế theo quyết định ấn định thuế;

a.4) Thực hiện ban hành quyết định hoàn thuế đối với số tiền thuế người nộp thuế đã nộp theo tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu;

a.5) Làm văn bản (ghi rõ tên doanh nghiệp, địa chỉ, mã số thuế, loại thuế, số tiền thuế đề nghị cơ quan hải quan đã ấn định thuế để hoàn thuế, lý do hoàn thuế) gửi cho cơ quan hải quan đã ban hành quyết định ấn định thuế để xử lý hoàn thuế theo quy định.

b) Cơ quan hải quan đã ban hành quyết định ấn định thuế thực hiện:

b.1) Kiểm tra lại hồ sơ đề nghị hoàn thuế đối chiếu với hồ sơ đã thực hiện ấn định thuế và các chứng từ, tài liệu có liên quan;

b.2) Trường hợp các thông tin đầy đủ thì thực hiện ban hành quyết định hoàn thuế. Tại phần căn cứ pháp lý ngoài các căn cứ theo quy định hiện hành, ghi bổ sung thêm “Hoàn tiền thuế theo đề nghị của Chi cục Hải quan ... tại công văn số... ngày... tháng.. năm”.

b.3) Thực hiện hoàn tiền thuế cho doanh nghiệp theo quy định.

Sau khi ban hành quyết định hoàn thuế gửi 01 bản chụp Quyết định hoàn thuế cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu để lưu hồ sơ hoàn thuế.

3.3 Về thủ tục không thu thuế đối với trường hợp không phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (Điều 13)

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Thông tư số 06/2021/TT-BTC, thì:

Trường hợp tờ khai hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu lần đầu của lô hàng tái nhập, tái xuất có phát sinh số tiền thuế đề nghị hoàn và hàng hóa tái nhập, tái xuất không cùng cửa khẩu với hàng hóa khi xuất khẩu, nhập khẩu lần đầu: Cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa tái nhập, tái xuất ban hành Quyết định không thu thuế lô hàng tái nhập hoặc tái xuất sau khi cơ quan hải quan nơi phát sinh số tiền thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu người nộp thuế đề

ngiht hoàn đã xác định đủ điều kiện hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu lần đầu. Số tiền thuế đã nộp của hàng hóa tái nhập hoặc tái xuất được xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

Trường hợp tờ khai hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu lần đầu của lô hàng tái nhập, tái xuất có phát sinh số tiền thuế đề nghị hoàn và hàng hóa tái nhập, tái xuất cùng cửa khẩu với hàng hóa khi xuất khẩu, nhập khẩu lần đầu: Cơ quan hải quan nơi hàng hóa tái nhập, tái xuất tiếp nhận, làm thủ tục không thu thuế hàng hóa tái nhập, tái xuất sau khi hoàn thành thủ tục hoàn thuế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu lần đầu.

3.4. Về hồ sơ miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu (Điều 14)

a) Về hồ sơ miễn thuế: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 80 Luật quản lý thuế năm 2019 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết hồ sơ miễn thuế. Do đó, hồ sơ miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

(Chú ý: Không áp dụng hồ sơ miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP đối với các trường hợp sau đây:

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

- Hàng hóa xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải được miễn thuế theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, khoản 23 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu được miễn thuế theo quy định tại điểm a khoản 11, điểm b khoản 15, điểm a khoản 16 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

- Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới được miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP;

- Hàng hóa nhập khẩu miễn thuế phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng).

b) Về thủ tục miễn thuế: Trong thời gian chờ ban hành Thông tư sửa đổi Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính thì các đơn vị thực hiện thủ tục miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ, Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính, Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

3.5. Về hồ sơ giảm thuế (Điều 15)

a) Về hồ sơ giảm thuế: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 80 Luật quản lý thuế năm 2019 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết hồ sơ giảm thuế. Do đó, hồ sơ giảm thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

(Chú ý: Không thực hiện hồ sơ giảm thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP).

b) Về thủ tục giảm thuế: Trong thời gian chờ ban hành Thông tư sửa đổi Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính thì các đơn vị thực hiện thủ tục giảm thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ, Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính, Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

3.6. Về hiệu lực thi hành (Điều 20)

Căn cứ khoản 2 Điều 20 Thông tư số 06/2021/TT-BTC quy định về hiệu thi hành của Thông tư số 06/2021/TT-BTC thì một số quy định, mẫu biểu hết hiệu lực từ ngày 8/3/2021, yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố nghiên cứu thực hiện đúng quy định.

4. Cục trưởng các Cục Hải quan tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư số 06/2021/TT-BTC, quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc các đơn vị báo cáo kèm đề xuất hướng xử lý về Tổng cục Hải quan (Cục Thuế xuất nhập khẩu) để xem xét xử lý kịp thời.

Tổng cục Hải quan thông báo để các Cục Hải quan tỉnh, thành phố được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT Nguyễn Văn Căn (để b/c);
- Các Phó TCT (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc cơ quan TCHQ (để p/h);
- Lưu: VT, TXNK (03b)

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Lưu Mạnh Tường